

Số: 102/2022/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp đối với một số nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2022/ND-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Xét Tờ trình số 241 /TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp đối với một số nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp đối với một số nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với những nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại khoản 1 Điều 19; khoản 2, 3 và 4 Điều 21 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, thực hiện Dự án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo, Dự án Giảm nghèo về thông tin từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương: thực hiện theo khoản 2 Mục V Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và khoản 1 Điều 19 Thông tư số 46/2022/TT-BTC.

b) Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương (vốn đối ứng):

- Hỗ trợ tối thiểu 04 triệu đồng (Bốn triệu đồng)/hộ gia đình đối với hộ xây mới nhà ở.

- Hỗ trợ tối thiểu 02 triệu đồng (Hai triệu đồng)/hộ gia đình đối với hộ sửa chữa nhà ở.

3. Hỗ trợ thiết lập, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng đối với cụm thông tin điện tử đã thiết lập trước đây bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 46/2022/TT-BTC

a) Thiết lập mới 01 cụm thông tin điện tử màn hình LED diện tích tối thiểu 19,66m², ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 1.200 triệu đồng/cụm (Một tỷ, hai trăm triệu đồng):

- Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 1.090 triệu đồng/cụm (Một tỷ, không trăm chín mươi triệu đồng);

- Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương tối thiểu (vốn đối ứng) 110 triệu đồng/cụm (Một trăm mười triệu đồng).

b) Sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng đối với cụm thông tin điện tử màn hình LED, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 400 triệu đồng/cụm (Bốn trăm triệu đồng):

- Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 363 triệu đồng/cụm (Ba trăm sáu mươi ba triệu đồng);

- Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương tối thiểu (vốn đối ứng) 37 triệu đồng/cụm (Ba mươi bảy triệu đồng).

4. Hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, huyện đảo quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư số 46/2022/TT-BTC

a) Hỗ trợ điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng gồm: hệ thống bàn ghế; tối thiểu 01 máy tính kết nối internet; tủ/kệ trưng bày; Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 44 triệu đồng/01 xã hoặc 01 điểm phục vụ (Bốn mươi bốn triệu đồng);

b) Hỗ trợ duy trì đảm bảo vận hành hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin công cộng gồm:

- Ấn phẩm báo chí: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 05 triệu đồng/năm cho 01 xã hoặc 01 điểm phục vụ (Năm triệu đồng);

- Cung cấp dịch vụ phục vụ truy nhập internet băng rộng: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 2,4 triệu đồng/năm cho 01 xã hoặc 01 điểm phục vụ (Hai triệu, bốn trăm ngàn đồng);

- Hỗ trợ nhân viên phục vụ tại điểm cung cấp dịch vụ: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 24 triệu đồng/năm cho 01 xã hoặc 01 điểm phục vụ (Hai mươi bốn triệu đồng).

c) Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với Điểm a, Điểm b Khoản này tối thiểu bằng 10% kinh phí trung ương hỗ trợ (vốn đối ứng).

5. Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, huyện đảo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 46/2022/TT-BTC

a) Đầu tư mới đài truyền thanh xã, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 450 triệu đồng/đài (Bốn trăm năm mươi triệu đồng):

- Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa không quá 409 triệu đồng/đài (Bốn trăm lẻ chín triệu đồng);

- Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương tối thiểu (vốn đối ứng) 41 triệu đồng/đài (Bốn mươi một triệu đồng).

b) Nâng cấp đài truyền thanh FM lên đài truyền thanh IP, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 263 triệu đồng/đài (Hai trăm sáu mươi ba triệu đồng):

- Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương tối đa không quá 239 triệu đồng/đài (Hai trăm ba mươi chín triệu đồng);

- Mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương tối thiểu (vốn đối ứng) 24 triệu đồng/đài (Hai mươi bốn triệu đồng).

6. Nguồn ngân sách địa phương (vốn đối ứng)

Ngân sách địa phương hỗ trợ đối với các nội dung quy định tại Điều 1 thực hiện theo khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 30/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 9 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: LĐ, TB & XH; KH & ĐT; TC; XD; TT & TT;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: LĐ, TB & XH; KH & ĐT; TC; XD; TT & TT;
- Thường trực Tỉnh ủy; UBND; UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Công báo tỉnh;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Lưu: VT, BDT-HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang